Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8438.80.92

Mã HS	8438.80.92
Mô tả hàng hóa	Máy chế biến công nghiệp hoặc sản xuất thực phẩm hoặc đồ uống, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này, trừ các loại máy để chiết xuất hoặc chế biến dầu hoặc mỡ động vật hoặc dầu hoặc chất béo không bay hơi của thực vật hoặc vi sinh vật / - Máy khác: / - - Loại khác: / - - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	18/11/2026 02:43:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84388092/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13841
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13841
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13841
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13151
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13092
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13092
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13092
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13092
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13092
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13092
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13146
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13146
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13146
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13146

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13146
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13146
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13147
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13147
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13147
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13147
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13147
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13147
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13150
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13098
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13106
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13106
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13106
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13106
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13106
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13106
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13137
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13137
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13137
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13137
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13137
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13137
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13186
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13186
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13186
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13186

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13186
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13186
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13169
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13169
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13169
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13169
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13169
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13169
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13169
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13169
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13169
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13169
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13169
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13169
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13184
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13184
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13184
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13184
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13184
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13184
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13183
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13183
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13183
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13183
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13183
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13183

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13163
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13163
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13163
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13163
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13163
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13163
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13163
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13171
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13171
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13171
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13171
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13171
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13171
RCEP B	2022	2022	0	B!D13171
RCEP B	2023	2023	0	B!E13171
RCEP B	2024	2024	0	B!F13171
RCEP B	2025	2025	0	B!G13171
RCEP B	2026	2026	0	B!H13171
RCEP B	2027	2027	0	B!I13171
RCEP C	2022	2022	0	C!D13171
RCEP C	2023	2023	0	C!E13171
RCEP C	2024	2024	0	C!F13171
RCEP C	2025	2025	0	C!G13171
RCEP C	2026	2026	0	C!H13171
RCEP C	2027	2027	0	C!I13171
RCEP D	2022	2022	0	D!D13170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13170
RCEP D	2024	2024	0	D!F13170
RCEP D	2025	2025	0	D!G13170
RCEP D	2026	2026	0	D!H13170
RCEP D	2027	2027	0	D!I13170
RCEP E	2022	2022	0	E!D13174
RCEP E	2023	2023	0	E!E13174
RCEP E	2024	2024	0	E!F13174
RCEP E	2025	2025	0	E!G13174
RCEP E	2026	2026	0	E!H13174
RCEP E	2027	2027	0	E!I13174
RCEP F	2022	2022	0	F!D13171
RCEP F	2023	2023	0	F!E13171
RCEP F	2024	2024	0	F!F13171
RCEP F	2025	2025	0	F!G13171
RCEP F	2026	2026	0	F!H13171
RCEP F	2027	2027	0	F!I13171
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12219
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12219
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12219
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12219

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8438.80 có 6 dòng thuế; dòng 8438.80.92 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8438.80.11 Hoạt động bằng điện; 8438.80.12 Không hoạt động bằng điện; 8438.80.21 Hoạt động bằng điện; 8438.80.22 Không hoạt động bằng điện; 8438.80.91 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8438.80.92. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8438.80.92 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13841), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.